

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Maybank Kim Eng**

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán
Kim Eng Việt Nam)

Báo cáo của Tổng Giám đốc
và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh các báo cáo tài chính	15 - 42

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty"), tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 57/GPDC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK với nội dung điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP về việc thay đổi tên gọi của Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở đặt tại tầng trệt và tầng 1, số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh và phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Shahrul Nazri Abdul Rahim	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Ông Lâm Hoàng Lộc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012 Từ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Ông Lê Minh Tâm	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012
Ông Ong Cheow Kheng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012
Ông Tan Pei San	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Bà Ami Moris	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2012
Ông Soon Su Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2012 Từ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012 Từ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Ông Ronald Ooi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012 Từ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Mohamad Yasin bin Abdullad	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2012
Ông Phạm Thành Tiến	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012 Từ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Ông Tan Pei San	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012 Từ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Bà Eunice Ho	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012 Từ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</i>
Ông Lê Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2010
Ông Dương Cẩm Đà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2011
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2012
Bà Ngô Thanh Thủy	Kế toán Trưởng	Từ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Minh Tâm, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Số tham chiếu: 60994674/15640663

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV



Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1103/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		551.432.898.785	512.886.641.351
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	289.471.624.647	93.146.157.437
111	1. Tiền		130.426.805.096	30.662.157.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		159.044.819.551	62.484.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	20.519.300	118.163.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.519.300	118.163.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	253.764.027.207	415.212.573.734
131	1. Phải thu của khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán		261.281.825	1.445.322.050
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		122.350.410	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		260.424.541.153	422.732.086.971
138	5. Các khoản phải thu khác		1.113.091.258	-
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.157.237.439)	(8.964.835.287)
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.176.727.631	4.409.747.180
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8.1	2.848.309.878	1.564.622.583
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	3.075.047.361	448.550.092
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8.2	2.253.370.392	2.396.574.505

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		24.270.727.811	28.592.402.199
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		12.884.747.997	17.255.524.786
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.536.026.368	12.440.978.268
222	- Nguyên giá		41.378.962.584	36.134.317.358
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.842.936.216)	(23.693.339.090)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.418.433.229	4.814.546.518
228	- Nguyên giá		16.027.512.817	14.282.056.497
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.609.079.588)	(9.467.509.979)
230	4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		930.288.400	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.066.149.800	2.186.136.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253	3. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn		2.066.149.800	2.186.136.000
254	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	6	2.066.149.800	2.186.136.000
255	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác		-	-
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.319.830.014	9.150.741.413
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.292.983.490	2.065.032.197
262	2. Tài sản thuê TNDN hoãn lại	12	1.377.830.358	2.259.194.188
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	6.649.016.166	4.826.515.028
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		575.703.626.596	541.479.043.550

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		233.873.485.926	217.150.185.134
310	I. Nợ ngắn hạn		233.873.485.926	216.514.908.201
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	34.090.712.455	158.865.447.363
312	2. Phải trả người bán		58.928.645	143.200.255
313	3. Người mua trả tiền trước		615.032.000	645.032.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	940.887.532	1.342.280.897
315	5. Phải trả người lao động		-	3.363.297
316	6. Chi phí phải trả	16	7.395.227.294	7.618.138.043
317	7. Phải trả nội bộ		30.688.899	189.773.502
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	189.565.285.315	47.044.217.513
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		884.598.850	12.164.497
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
328	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	292.124.936	651.290.834
329	13. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	635.276.933
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	635.276.933
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
339	8. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		341.830.140.670	324.328.858.416
410	I. Vốn chủ sở hữu		341.830.140.670	324.328.858.416
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(2.298.112.650)	(2.099.235.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.556.412.666	2.671.404.671
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.556.412.667	2.671.404.671
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.015.427.987	21.085.284.074
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		575.703.626.596	541.479.043.550

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	3.077.092.200.000	2.468.046.260.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	1.673.336.160.000	1.500.119.260.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	1.465.070.000	1.295.490.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.343.307.460.000	1.342.303.590.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	328.563.630.000	156.520.180.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	897.186.510.000	867.328.510.000
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	897.186.510.000	867.328.510.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	506.569.530.000	100.598.490.000
023	6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	-	-
024	6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	411.506.300.000	100.598.490.000
025	6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	95.063.230.000	-
026	6.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số cuối năm
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
033	6.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	-	-
034	6.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	-	-
035	6.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	-	-
036	6.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	-	-
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
043	6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	-	-
044	6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	-	-
045	6.8.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	-	-
046	6.8.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	154.895.120.000	66.610.400.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	99.643.940.000	58.700.100.000
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	74.626.740.000	44.467.600.000
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	25.017.200.000	14.232.500.000
055	7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	1.322.400.000	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	1.322.400.000	-
059	7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	2.059.750.000	1.210.300.000
062	7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
063	7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	2.059.750.000	1.210.300.000
064	7.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
065	7.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
066	7.4. Chứng khoán tạm giữ	51.869.030.000	6.700.000.000
067	7.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	-	-
068	7.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	51.869.030.000	6.700.000.000
069	7.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	-	-
070	7.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	-	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
074	7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	-	-
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
077	7.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	-	-
078	7.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	-	-
079	7.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	-	-
080	7.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	-	-
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Bà Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Ông Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		164.228.982.036	114.047.978.993
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		62.073.189.658	32.175.844.655
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		148.402.610	13.077.267
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		655.761.818	809.781.817
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.286.322.654	189.760.703
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		990.377.826	584.329.330
01.9	Doanh thu khác	20	99.074.927.470	80.275.185.221
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		164.228.982.036	114.047.978.993
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	(91.427.009.140)	(67.753.089.552)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		72.801.972.896	46.294.889.441
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(49.236.711.952)	(39.478.406.252)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.565.260.944	6.816.483.189
31	8. Thu nhập khác		586.174.660	133.174.738
32	9. Chi phí khác		(215.179.020)	(120.370.396)
40	10. Lợi nhuận khác		370.995.640	12.804.342
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.936.256.584	6.829.287.531
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	(5.433.624.300)	(1.532.168.585)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(802.472.380)	(266.761.434)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.700.159.904	5.030.357.512
70	15. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	19.3	590	168

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Đào Thị Ngọc Thùy
Kế toán viên



Bà Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Ông Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.936.256.584	6.829.287.531
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ		12.698.096.463	9.742.370.049
03	- Các khoản dự phòng	22	(807.597.848)	1.431.532.537
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.359.902.648)	(4.646.075.223)
06	- Chi phí lãi vay		10.123.764.398	7.440.520.983
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		35.590.616.949	20.797.635.877
09	- Giảm các khoản phải thu		162.508.737.579	45.333.501.625
10	- Giảm/(tăng) đầu tư ngắn hạn		97.552.001	(111.880.916)
11	- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		141.899.429.065	4.749.564.045
12	- Tăng chi phí trả trước		(307.551.506)	(1.889.715.919)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(10.123.764.398)	(7.440.520.983)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23	(8.060.121.569)	(3.272.046.175)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.679.297.025)	(2.555.088.685)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		319.925.601.096	55.611.448.869
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.606.654.390)	(6.323.176.898)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.272.727	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(77.100.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	77.100.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	18.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.777.982.685	5.338.387.320
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động đầu tư		1.174.601.022	(966.789.578)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		533.965.504.829	336.981.626.759
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(658.740.239.737)	(316.407.943.533)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng trong)/từ hoạt động tài chính		(124.774.734.908)	20.573.683.226
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		196.325.467.210	75.218.342.517
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	93.146.157.437	17.927.814.920
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	289.471.624.647	93.146.157.437

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Bà Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Ông Lê Minh Tâm
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.1	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*)		(588.937.500)	(2.099.235.000)	(1.510.297.500)	-	(198.877.650)	-	(2.099.235.000)	(2.298.112.650)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		2.419.886.795	2.671.404.671	251.517.876	-	885.007.995	-	2.671.404.671	3.556.412.666
8. Quỹ dự phòng tài chính		2.419.886.795	2.671.404.671	251.517.876	-	885.007.996	-	2.671.404.671	3.556.412.667
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		16.557.962.314	21.085.284.074	5.030.357.512	(503.035.752)	17.700.159.904	(1.770.015.991)	21.085.284.074	37.015.427.987
TỔNG CỘNG		320.808.798.404	324.328.858.416	4.023.095.764	(503.035.752)	19.271.298.245	(1.770.015.991)	324.328.858.416	341.830.140.670

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản bao gồm các thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các thay đổi giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Bà Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng




Ông Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty"), tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 57/GPDC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK với nội dung điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP về việc thay đổi tên gọi của Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở đặt tại tầng trệt và tầng 1, số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh và phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 282 người.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng vốn cổ phần của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Vào ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo quy định của Thông tư này, riêng năm 2012, doanh nghiệp được sử dụng số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (nếu có) để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Nếu số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ hoặc doanh nghiệp không có số dư Quỹ để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp, doanh nghiệp không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng.

Theo đó, Công ty đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ phải thu về giao dịch chứng khoán quá hạn thanh toán từ 30 ngày trở lên thì mức trích lập dự phòng là toàn bộ giá trị khoản phải thu sau khi trừ giá trị thị trường của tài sản đảm bảo.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp văn phòng cho thuê	3 - 6 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	3 năm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá trị hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.9.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí, phí ngân hàng và được phân ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được đánh giá theo giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Đầu tư chứng khoán* (tiếp theo)

3.9.2 *Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn* (tiếp theo)

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- ▶ Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- ▶ Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- ▶ Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế vào ngày giao dịch và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được đánh giá theo giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Thay đổi trong giá trị hợp lý của chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trên khoản mục "*Chênh lệch đánh giá lại tài sản*" và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi bán các khoản đầu tư này.

3.9.3 *Giá trị hợp lý của chứng khoán*

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định cho từng loại chứng khoán theo giá mua bán trên thị trường.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày ghi nhận giá trị hợp lý.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.11.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương.

Trong năm 2012, Công ty đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào tài khoản thu nhập khác theo quy định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

3.11.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.14 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập Công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	82.462.612	69.156.348
Tiền gửi ngân hàng	219.845.655	163.176.440
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	130.124.496.829	30.429.824.649
Các khoản tương đương tiền	159.044.819.551	62.484.000.000
TỔNG CỘNG	<u>289.471.624.647</u>	<u>93.146.157.437</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng, trong đó bao gồm 98.129.407.150 đồng đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại một ngân hàng thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)</u>
a. Cửa Công ty - Cổ phiếu	94.949	904.065.800
b. Cửa nhà đầu tư - Cổ phiếu	2.923.040.178	33.293.141.975.600
TỔNG CỘNG	<u>2.923.135.127</u>	<u>33.294.046.041.400</u>

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số lượng (đơn vị)</u>	<u>Nguyên giá</u>	<u>So với giá thị trường</u>		<u>VNĐ</u>
			<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Tổng giá trị theo giá thị trường</u>
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
- Cổ phiếu niêm yết	2.021	20.934.415	3.934.925	(4.350.040)	20.519.300
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn					
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>					
- Cổ phiếu niêm yết	144.486	5.130.300.000	-	(3.064.150.200)	2.066.149.800

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính như sau:

VNĐ

Chi tiêu	Nguyên giá		Tăng/(giảm) so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
I. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn						
<i>Cổ phiếu niêm yết:</i>						
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	20.934.415	118.486.416	(415.115)	(323.416)	20.519.300	118.163.000
- Ngân hàng TMCP A Châu (ACB)	9.650.340	5.310.300	(3.308.840)	(2.229.900)	6.341.500	3.080.400
- Công ty CP Gò Đàng (AGD)	2.608.020	12.613.017	733.480	6.309.383	3.341.500	18.922.400
- Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (PVC)	1.825.600	-	1.224.400	-	3.050.000	-
- Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (BVS)	1.502.535	6.492.400	279.065	(36.400)	1.781.600	6.456.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	1.197.658	3.312.600	359.942	(1.390.200)	1.557.600	1.922.400
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (STB)	915.950	947.174	444.050	99.226	1.360.000	1.046.400
- Công ty CP FPT (FPT)	670.346	1.355.325	384.354	924.775	1.054.700	2.280.100
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	321.650	-	206.350	-	528.000	-
- Công ty CP Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (PGT)	1.430.500	1.430.500	(1.023.500)	(897.700)	407.000	532.800
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	330.050	-	60.950	-	391.000	-
- Công ty CP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP HCM (FDC)	200.646	50.400	113.354	21.100	314.000	71.500
- Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	129.500	-	86.500	-	216.000	-
- Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	57.120	18.241.200	42.480	(3.325.200)	99.600	14.916.000
- Công ty CP Cấp nước Bến Thành (BTW)	94.500	94.500	(17.700)	(12.500)	76.800	82.000
- Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG)	-	67.200.000	-	-	-	67.200.000
- Công ty CP Truyền thông số 1 (ONE)	-	827.500	-	62.500	-	890.000
- Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam (CSM)	-	378.000	-	122.000	-	500.000
- Công ty CP Hóa An (DHA)	-	180.300	-	(2.300)	-	178.000
- Công ty CP Hóa An (DHA)	-	53.200	-	31.800	-	85.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						
<i>Cổ phiếu niêm yết:</i>						
- Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC)	5.130.300.000	5.130.300.000	(3.064.150.200)	(2.944.164.000)	2.066.149.800	2.186.136.000
	5.130.300.000	5.130.300.000	(3.064.150.200)	(2.944.164.000)	2.066.149.800	2.186.136.000
TỔNG CỘNG	5.151.234.415	5.248.786.416	(3.064.565.315)	(2.944.487.416)	2.086.669.100	2.304.299.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1. Trả trước cho người bán	1.445.322.050	-	29.205.418.599	(30.389.458.824)	261.281.825	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	422.732.086.971	-	20.888.092.286.020	(21.050.399.831.838)	260.424.541.153	-	8.157.237.439
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch kỳ quỹ	288.061.010.315	-	8.796.024.252.999	(8.877.424.677.080)	206.660.586.234	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	88.072.778.730	-	907.836.098.570	(985.874.295.906)	10.034.581.394	-	7.951.523.017
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	36.404.219.724	-	6.045.017.523.828	(6.038.039.415.331)	43.382.328.221	-	-
- Phải thu dịch vụ hỗ trợ thanh toán cho nhà đầu tư mua chứng khoán	10.194.078.202	-	5.136.155.991.555	(5.146.143.341.146)	206.728.611	-	205.714.422
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán khác	-	-	3.058.419.068	(2.918.102.375)	140.316.693	-	-
3. Các khoản phải thu khác	-	-	8.587.913.337	(7.352.471.669)	1.235.441.668	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	4.947.711.421	(4.229.412.189)	718.299.232	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	3.640.201.916	(3.123.059.480)	517.142.436	-	-
TỔNG CỘNG	424.177.409.021	-	20.925.885.617.956	(21.088.141.762.331)	261.921.264.646	-	8.157.237.439

(a) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 90 đến 180 ngày và chịu lãi suất 0,045%/ngày tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 19 đến 180 ngày và chịu lãi suất 0,057%/ngày. Theo quy định của Ủy ban chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các nghiệp vụ này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Số dư còn lại là khoản phải thu khó đòi từ năm 2010 và đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo chính sách của Công ty (Thuyết minh số 3.3).

(c) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán (theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công tại các Sở Giao dịch Chứng khoán). Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư sẽ chịu lãi suất 0,045%/ngày tính trên số tiền ứng trước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012.

(d) Đây là các khoản phải thu về hỗ trợ khách hàng thanh toán tiền mua chứng khoán theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư, thời hạn hiệu lực trong vòng 4 ngày và chịu lãi suất từ 0,05 đến 0,10%/ngày. Theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các hợp đồng này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Số dư còn lại là khoản phải thu khó đòi từ năm 2010 và đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo chính sách của Công ty (Thuyết minh số 3.3).



Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.2 Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	8.964.835.287	7.533.302.750
Số trích lập trong năm	1.274.634.740	5.307.024.219
Số hoàn nhập trong năm	(2.082.232.588)	(3.875.491.682)
Số dư cuối năm	<u>8.157.237.439</u>	<u>8.964.835.287</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.564.622.583	636.560.144
Tăng trong năm	13.361.491.126	10.437.252.295
	14.926.113.709	11.073.812.439
Phân bổ trong năm	(12.077.803.831)	(9.509.189.856)
Số dư cuối năm	<u>2.848.309.878</u>	<u>1.564.622.583</u>

8.2 Tài sản ngắn hạn khác

	VNĐ	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	1.999.571.843	2.222.434.593
Tạm ứng	50.074.518	128.451.328
Ký quỹ khác	203.724.031	45.688.584
TỔNG CỘNG	<u>2.253.370.392</u>	<u>2.396.574.505</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Năng cấp văn phòng thuê	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	7.885.798.987	22.813.848.169	3.052.011.905	2.382.658.297	36.134.317.358
Mua trong năm	-	5.669.501.270	-	261.408.400	5.930.909.670
Giảm trong năm	(475.813.790)	-	-	(210.450.654)	(686.264.444)
Trong đó:					
Thanh lý	(475.813.790)	-	-	(85.522.800)	(561.336.590)
Giảm khác	-	-	-	(124.927.854)	(124.927.854)
Số dư cuối năm	7.409.985.197	28.483.349.439	3.052.011.905	2.433.616.043	41.378.962.584
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	7.409.985.197	12.314.830.459	-	778.785.024	20.503.600.680
Giá trị hao mòn:					
Số dư đầu năm	6.142.104.365	15.012.011.917	1.471.892.445	1.067.330.363	23.693.339.090
Khấu hao trong năm	1.561.299.342	4.982.534.056	509.081.330	503.612.126	7.556.526.854
Giảm trong năm	(293.418.510)	-	-	(113.511.218)	(406.929.728)
Trong đó:					
Thanh lý	(293.418.510)	-	-	(52.739.060)	(346.157.570)
Giảm khác	-	-	-	(60.772.158)	(60.772.158)
Số dư cuối năm	7.409.985.197	19.994.545.973	1.980.973.775	1.457.431.271	30.842.936.216
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	1.743.694.622	7.801.836.252	1.580.119.460	1.315.327.934	12.440.978.268
Số dư cuối năm	-	8.488.803.466	1.071.038.130	976.184.772	10.536.026.368

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<u>Phần mềm tin học</u>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	14.282.056.497
Mua trong năm	<u>1.745.456.320</u>
Số dư cuối năm	<u>16.027.512.817</u>
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	13.413.901.961
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	9.467.509.979
Tăng trong năm	<u>5.141.569.609</u>
Số dư cuối năm	<u>14.609.079.588</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>4.814.546.518</u>
Số dư cuối năm	<u>1.418.433.229</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí cải tạo văn phòng	959.905.169	1.319.455.132
Chi phí vật dụng văn phòng	<u>333.078.321</u>	<u>745.577.065</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.292.983.490</u>	<u>2.065.032.197</u>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	2.065.032.197	1.158.467.402
Tăng trong năm	<u>1.354.850.456</u>	<u>2.774.450.906</u>
	3.419.882.653	3.932.918.308
Phân bổ trong năm	<u>(2.126.899.163)</u>	<u>(1.867.886.111)</u>
Số dư cuối năm	<u>1.292.983.490</u>	<u>2.065.032.197</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	VND	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Giảm giá đầu tư dài hạn	766.037.550	844.929.000
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	611.792.808	1.255.445.955
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	158.819.233
	<u>1.377.830.358</u>	<u>2.259.194.188</u>

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của kỳ trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND
Tiền nộp ban đầu trong năm 2008	120.000.000
Tiền nộp bổ sung trong năm 2009, 2010, 2011	4.702.474.666
Lãi phân bổ trong năm 2008	4.040.362
Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	4.826.515.028
Tiền nộp bổ sung trong năm 2012	1.822.501.138
Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	6.649.016.166

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VND	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay thấu chi tại ngân hàng (*)	34.090.712.455	83.599.147.363
Vay Maybank Kim Eng Holdings Limited	-	62.484.000.000
Vay hợp đồng ủy thác mua trái phiếu	-	12.782.300.000
TỔNG CỘNG	34.090.712.455	158.865.447.363

(*) Đây là khoản vay thấu chi tại một ngân hàng trong nước nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi do ngân hàng xác định tại từng thời điểm và được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ tài khoản phải thu của khách hàng và khoản cho vay ký quỹ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	404.889.233	339.532.406
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	402.479.180	406.689.651
Thuế giá trị gia tăng	107.313.896	538.849.657
Thuế nhà thầu	17.074.261	54.964.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ doanh nghiệp	9.130.962	2.244.200
TỔNG CỘNG	<u>940.887.532</u>	<u>1.342.280.897</u>

Tình hình thay đổi các loại thuế trong năm như sau:

	VNĐ			
<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số dư đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số dư cuối năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	339.532.406	6.266.803.757	(6.201.446.930)	404.889.233
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	406.689.651	8.371.626.562	(8.375.837.033)	402.479.180
Thuế giá trị gia tăng	538.849.657	469.418.136	(900.953.897)	107.313.896
Thuế nhà thầu	54.964.983	232.975.695	(270.866.417)	17.074.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà đầu tư tổ chức	2.244.200	318.837.382	(311.950.620)	9.130.962
TỔNG CỘNG	<u>1.342.280.897</u>	<u>15.659.661.532</u>	<u>(16.061.054.897)</u>	<u>940.887.532</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Trích thưởng cho nhân viên	5.008.786.241	5.474.191.931
Phí môi giới phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	481.977.637	561.362.257
Phí dịch vụ chuyên môn	358.050.000	138.600.000
Chi phí phải trả khác	1.546.413.416	1.443.983.855
TỔNG CỘNG	<u>7.395.227.294</u>	<u>7.618.138.043</u>

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty cho hoạt động đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	82.884.575	309.402.646
Phải trả khác	209.240.361	341.888.188
TỔNG CỘNG	<u>292.124.936</u>	<u>651.290.834</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Chi tiết vốn góp

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vốn góp	300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
TỔNG CỘNG	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	VNĐ		
	<u>Tổng số</u>	<u>Vốn CP thường</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>
Vốn của Maybank Kim Eng Holdings Limited	145.650.000.000	145.650.000.000	48,55
Vốn của các cổ đông cá nhân khác	154.350.000.000	154.350.000.000	51,45
TỔNG CỘNG	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

19.2 Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000	30.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	17.700.159.904	5.030.357.512
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VNĐ	590	168

20. DOANH THU KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VNĐ
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	56.184.023.511	43.020.316.657
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	20.607.264.633	9.185.828.781
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	10.367.979.207	5.331.790.820
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	9.613.764.013	22.627.541.634
Doanh thu khác	2.301.896.106	109.707.329
TỔNG CỘNG	<u>99.074.927.470</u>	<u>80.275.185.221</u>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VNĐ
Chi phí nhân viên	42.667.350.672	30.699.129.248
Chi phí môi giới chứng khoán	10.272.829.836	5.797.652.376
Chi phí tài chính	10.123.764.398	7.440.520.983
Chi phí thuê văn phòng	9.148.504.064	8.031.612.261
Hoa hồng đại lý	4.561.680.899	1.185.552.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.003.148.695	2.820.669.530
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.485.124.020	1.282.440.049
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	1.299.410.232	1.486.265.021
Chi phí tư vấn	131.353.787	651.803.274
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	13.326.800	77.224.534
Chi phí khác	7.720.515.737	8.280.219.391
TỔNG CỘNG	<u>91.427.009.140</u>	<u>67.753.089.552</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	22.635.379.841	18.769.713.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.694.947.768	6.921.700.519
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	2.981.840.063	2.682.256.319
Chi phí thuê văn phòng	2.227.856.270	2.093.632.346
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	532.109.292	275.590.698
Thuế, phí và lệ phí	47.212.298	15.155.900
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(807.597.848)	1.431.532.537
Chi phí khác bằng tiền	11.924.964.268	7.288.824.228
TỔNG CỘNG	49.236.711.952	39.478.406.252

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảng ước tính số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày dưới đây:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	23.936.256.584	6.829.287.531
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	410.734.741	341.679.764
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Chi phí lương chưa chi tại thời điểm quyết toán thuế năm 2011	(2.995.343.598)	-
- Trích chi phí dự phòng phải thu	(1.767.014.739)	(1.211.471.731)
- Hoàn nhập dự phòng phải thu và quỹ trợ cấp mất việc	(956.700.857)	-
- Cổ tức	(128.302.710)	(6.596.500)
Thu nhập chịu thuế ước tính cho năm hiện hành	18.499.629.421	5.952.899.064
Thuế TNDN phải trả theo thuế suất 25%	4.624.907.355	1.488.224.766
Điều chỉnh tăng thuế TNDN năm trước theo quyết toán thuế	808.716.945	43.943.819
Thuế TNDN phải trả ước tính cho năm hiện hành	5.433.624.300	1.532.168.585
Thuế TNDN (phải thu)/phải trả đầu năm	(448.550.092)	1.291.327.498
Thuế TNDN đã trả trong năm	(8.060.121.569)	(3.272.046.175)
Thuế TNDN phải thu cuối năm	(3.075.047.361)	(448.550.092)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại						
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	611.792.808	1.255.445.955	(643.653.147)	(302.867.933)	-	-
Giảm giá đầu tư dài hạn	766.037.550	844.929.000	-	-	(78.891.450)	648.616.500
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	158.819.233	(158.819.233)	36.106.499	-	-
	1.377.830.358	2.259.194.188	(802.472.380)	(266.761.434)	(78.891.450)	648.616.500

(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại thuần



Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Maybank Kim Eng Securities Private Limited	Bên liên quan	Thu phí môi giới Trả hoa hồng	130.949.598 567.101.088	
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Cổ đông	Trả gốc vay Vay Trả lãi vay	187.479.000.000 124.995.000.000 1.412.436.954	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Phải thu/(phải trả)</i>	
Maybank Kim Eng Securities Private Limited	Bên liên quan	Phải thu giao dịch chứng khoán Phải trả hoa hồng	1.692.535.000 (30.688.899)	
Maybank Investment Bank	Bên liên quan	Phải thu khác	122.350.410	

Các giao dịch với các bên liên quan khác

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	
Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc		<u>4.249.834.517</u>

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng cho Trụ sở chính và các chi nhánh theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Đến 1 năm	<u>2.097.239.478</u>	<u>2.313.287.347</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì đa phần các khoản vay trong năm này có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 2.086.669.100 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.237.099.000 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 208.666.910 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 223.709.900 đồng) phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 208.666.910 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 223.709.900 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý rủi ro của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	VND			
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số cuối năm				
Vay và nợ ngắn hạn	-	34.090.712.455	-	34.090.712.455
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	189.565.285.315	-	-	189.565.285.315
Chi phí phải trả				
- <i>Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK</i>	481.977.637	-	-	481.977.637
- <i>Phí dịch vụ chuyên môn</i>	358.050.000	-	-	358.050.000
- <i>Chi phí phải trả khác</i>	1.546.413.416	-	-	1.546.413.416
	191.951.726.368	34.090.712.455	-	226.042.438.823
Số đầu năm				
Vay và nợ ngắn hạn	-	158.865.447.363	-	158.865.447.363
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	47.044.217.513	-	-	47.044.217.513
Chi phí phải trả				
- <i>Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK</i>	561.362.257	-	-	561.362.257
- <i>Phí dịch vụ chuyên môn</i>	138.600.000	-	-	138.600.000
- <i>Chi phí phải trả khác</i>	1.443.983.855	-	-	1.443.983.855
	49.188.163.625	158.865.447.363	-	208.053.610.988

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp các khoản phải thu từ tài khoản phải thu của khách hàng và khoản cho vay ký quỹ để đảm bảo cho hợp đồng vay thấu chi tại một ngân hàng trong nước (*Thuyết minh số 14*).

Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán, các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán và các khoản hỗ trợ khách hàng thanh toán tiền mua chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 98.129.407.150 đồng để đảm bảo cho các khoản vay tại một ngân hàng thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (*Thuyết minh số 4*).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210 bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
Tài sản tài chính					
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Chứng khoán thương mại	20.519.300	50.963.000	20.519.300	50.963.000	
Cổ phiếu niêm yết	-	67.200.000	-	67.200.000	
Cổ phiếu chưa niêm yết	253.581.294.546	415.212.573.734	(*)	(*)	
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	2.066.149.800	2.186.136.000	2.066.149.800	2.186.136.000	
Tiền và các khoản tương đương tiền	289.471.624.647	93.146.157.437	289.471.624.647	93.146.157.437	
Tổng cộng	545.139.588.293	510.663.030.171			
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ					
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	34.090.712.455	158.865.447.363	(*)	(*)	
Chi phí phải trả	190.449.884.165	47.056.382.010	(*)	(*)	
	2.386.441.053	2.143.946.112	2.386.441.053	2.143.946.112	
Tổng cộng	226.927.037.673	208.065.775.485			

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam)

THUYẾT MINH CÁC BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên

Bà Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Ông Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2013